

VỀ HỘI TRUYỀN GIÁO TIN LÀNH C.M.A

Tóm tắt: Lịch sử hơn 100 năm truyền đạo Tin Lành vào Việt Nam được khởi đầu bởi các giáo sĩ thuộc Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A¹. Hiện tại, trong số hơn 1 triệu tín đồ Tin Lành tại Việt Nam có đến 80 % thuộc hai tổ chức là: Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) và Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) vốn do Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A gây dựng nên. Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A đã để lại dấu ấn sâu đậm đối với quá trình truyền giáo của Tin Lành tại Việt Nam trong lịch sử cũng như trong hiện tại. Vì vậy, để có thể hiểu được những đặc điểm của Tin Lành tại Việt Nam cần phải tìm hiểu về quá trình ra đời, nội dung thần học, đặc trưng tổ chức, các giai đoạn phát triển cùng các hoạt động truyền giáo ở Bắc Mỹ và hải ngoại của tổ chức này. Bài viết này bước đầu đề cập đến các khía cạnh nêu trên.

Từ khóa: C.M.A, Tin Lành, giáo hội, giáo phái, giáo sĩ, truyền giáo.

1. Sự ra đời của Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A

1.1. Bối cảnh tôn giáo, xã hội Bắc Mỹ thời kỳ Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A ra đời

Theo chân các cộng đồng di dân sang Bắc Mỹ, Tin Lành đã gặp một vùng đất mới, một môi trường thuận lợi để phát triển, trở thành một tôn giáo lớn mạnh với nhiều giáo hội, giáo phái đa dạng.

Năm 1639, Roger Williams lập ra Hội Thánh Báp-tít đầu tiên tại Thành phố Providence, Mỹ.

Năm 1706, tại Philadelphia, giáo sĩ Franeis Makemie đã lập ra chi hội Trưởng Lão (Presbyterian) đầu tiên.

Năm 1789, Hội Thánh Tin Lành Giám nhiệm (Episcopal), tổ chức Anh giáo theo đặc trưng Mỹ được thiết lập.

* Nghiên cứu sinh Khoa Lịch sử, Học viện Khoa học xã hội.

Sớm hơn và phát triển nhanh tại nhiều vùng là các cộng đồng Tin Lành Hội Chúng (Congregationalist) theo chủ thuyết Canvin mà tiêu biểu là sự thành lập Đại học Havard do các cộng đồng này tài trợ.

Đây là bốn nhóm cộng đồng Tin Lành có thực lực mạnh nhất ký vào Bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ².

Ngoài những nhóm kể trên, những cộng đồng Tin Lành Cải cách (theo chủ thuyết Canvin) của di dân đến từ Hà Lan, Scotland, Ireland cũng xuất hiện rất đa dạng, thêm nữa còn phải kể đến các giáo phái tách từ Anh giáo như Quaker, Methodism, v.v..

Thời kỳ chiến tranh giành độc lập với Anh và sau đó là cuộc nội chiến (chiến tranh Nam - Bắc), việc bãi bỏ chế độ nô lệ cũng đã góp phần vào sự chia tách các giáo hội, giáo phái Tin Lành lớn tại Bắc Mỹ, làm xuất hiện càng nhiều các giáo phái, tổ chức mới.

Trên một nền tảng lịch sử, xã hội, văn hóa, tôn giáo như vậy, Tin Lành phát triển nhanh chóng tại Bắc Mỹ vào thời kỳ tích lũy tư bản, công nghiệp hóa, trở thành một tôn giáo lớn mạnh và tái truyền giáo vào Cựu lục địa - Châu Âu, nơi mà nó đã sinh ra từ cuộc Cải cách tôn giáo thế kỷ XVI.

Cuộc cách mạng công nghệ, sự lớn mạnh của các cường quốc tư bản non trẻ (nơi Tin Lành phát triển mạnh, cụ thể là tại Mỹ), công cuộc cạnh tranh, giành giật, xâm chiếm thuộc địa, thị trường của các đế quốc này đã tạo điều kiện để các đoàn truyền giáo Tin Lành đẩy mạnh truyền giáo ra toàn cầu.

Các phong trào và hoạt động truyền giáo của đạo Tin Lành từ hai trung tâm Bắc Mỹ và Tây Âu chỉ bắt đầu có quy mô rộng lớn từ cuối thế kỷ XVIII. Từ thời điểm này các giáo hội, giáo phái Tin Lành đã nhận thức được việc truyền giáo là đấu tranh để bành trướng và tồn tại nên đã có sự phối hợp, liên kết để hoạt động. Hàng loạt các hội truyền giáo được thành lập như: Hội Truyền giáo Báp-tít Luân Đôn (1792), Hiệp hội Truyền giáo Mỹ (1810), Hội Truyền giáo Berlin (1824), v.v..

Đầu thế kỷ XX, phong trào truyền giáo Tin Lành lên đến cao trào với gần 300 tổ chức truyền giáo, hội truyền giáo. Các hội truyền giáo liên tiếp ra đời với quy mô và hình thức muôn hình muôn vẻ, có thể là theo từng giáo phái, hoặc là liên giáo phái, theo một hiệp hội lớn hay từ một chi nhánh địa phương. Điều này cho thấy quy mô rộng lớn của hoạt động truyền giáo. Hơn nữa, vai trò của Tin Lành Mỹ trong công cuộc này đã chiếm vị trí chủ chốt với hơn 40% nguồn tài chính và nhân lực³.

Giao thương quốc tế, tin tức báo chí cũng là phương tiện giúp cho việc truyền giáo được hỗ trợ hết sức thuận tiện. Tại Mỹ, thông qua vô số các tạp chí truyền giáo, công việc truyền giáo được khuấy động và thu hút rất nhiều sự chú ý từ công chúng: “công việc của các hội truyền giáo lớn trên thế giới được phức trình với đầy thiện cảm và chi tiết hào hứng. Tin tức về các hoạt động của các nhà truyền đạo nổi tiếng và những người lãnh đạo tôn giáo quen thuộc được đăng thường xuyên. Tất cả các cuộc hội họp quan trọng của các nhà lãnh đạo thuộc linh ở khắp mọi nơi trên thế giới được tường trình với thiện cảm và bình luận sáng tỏ. Những bài viết có hình ảnh về mọi khía cạnh của nếp sống ở các xứ truyền giáo viết gãy gọn, uyên thâm và với đức tin Tin Lành ám áp là những tiết mục thường xuyên. Để thu hút sự chú ý, mỗi số có rất nhiều hình ảnh chọn lọc in theo lối khắc gỗ phổ thông lúc bấy giờ”⁴.

Về kỷ nguyên truyền giáo sôi động này, một nhà nghiên cứu Pháp đã phân tích như sau: “Các nhà truyền giáo thường có những cá tính đặc biệt nhưng nói chung họ là những người năng động, có uy thế, chịu đảm đương gánh vác công việc và không phải lúc nào cũng có “tư tưởng tiên tiến”. Họ tiếp tục truyền thống Tin Lành sáng tạo nền văn minh vào lúc mà ảnh hưởng của Tin Lành ở Phương Tây về mặt xã hội đang trở nên đáng ngờ hơn. Đối mặt với quân nhân, chủ đồn điền, thực dân các loại đang tìm cách đô hộ dân chúng ở những miền xa xôi, các nhà truyền giáo muốn đem lại những cái mà theo họ là “tốt nhất” của văn minh Phương Tây. Người ta tìm cách dịch Kinh Thánh ra tiếng bản xứ, xây dựng các trường học, lập bệnh viện. Họ làm việc như là trong một giàn nhạc giao hưởng. Cô y tá cũng là cô giáo trong trường học, thầy giáo cũng làm thợ nề. Y sĩ cũng làm nhiệm vụ mục sư thuyết giáo Tin Lành, mục sư thì làm thợ nhà in, nhà ngôn ngữ đôi khi còn là cố vấn chính trị hoặc là nhà dân tộc học... Các nhà truyền giáo ca ngợi thuyết “Ba C”: Christ, Commerce, Civilisation, tức là Chúa, Thương mại và Văn minh. Xu hướng cầu kết lại thành một khối không thể tách rời được của dân chúng hải ngoại bao gồm những nhà truyền giáo, binh lính, nhà buôn da trắng và những nhà cai trị thuộc địa. Họ có chung những niềm say mê quyến rũ. Họ cùng chấp nhận Cơ Đốc giáo và kiểu sống Châu Âu”⁵.

Đó là bức tranh tổng quan về “kỷ nguyên truyền giáo” bùng nổ của Tin Lành nói chung và tại nước Mỹ nói riêng. Trong bối cảnh đó, năm 1897, tại nước Mỹ xuất hiện thêm một tổ chức truyền giáo mới với tên

gọi *The Christian and Missionary Alliance (C.M.A)* là một sự kiện không có gì đặc biệt.

1.2. Về người sáng lập ra Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A - Albert Benjamin Simpson (1843 - 1919)

Albert Benjamin Simpson ra đời ngày 15 tháng 12 năm 1843 tại Bayview, đảo Prince Edward, Canada, trong một gia đình gốc di cư từ Scotland. Là con trai út trong gia đình có 3 anh chị em, có tư chất thông minh nhưng lại đau ốm thường xuyên lúc còn nhỏ nên A. B. Simpson được cha, vốn là một Chấp sự trong Hội Thánh Trưởng Lão, cung chiều và dạy dỗ về niềm tin tôn giáo từ khi còn nhỏ.

Năm 1861, A. B. Simpson vượt qua kỳ khảo hạch và được Hội đồng Mục vụ vùng gửi vào trường Đại học Knox (Toronto) học làm mục sư. Tháng 4/1865, A. B. Simpson tốt nghiệp Đại học Knox, và hai tháng sau vượt qua được kỳ thẩm vấn tại Hội đồng mục vụ Toronto, được tấn phong chức vụ mục sư. Sau đó, ông được cử tới phụ trách Hội Thánh Knox, Hamilton, một chi hội Trưởng Lão lớn, giàu có ở Canada lúc bấy giờ.

Sau 8 năm làm mục vụ tại Hamilton, lập gia đình với Margaret Henry, đạt được nhiều thành công trong chức vụ, được đi thăm viếng Châu Âu, năm 1873, A. B. Simpson nhận lời đến quản nhiệm Hội Thánh Chestnut Street - một chi hội Trưởng Lão tại Louisville, Kentucky, Hoa Kỳ.

Thời kỳ gần 6 năm làm mục vụ tại Louisville, Kentucky là thời gian khó khăn của A. B. Simpson. Công việc mục vụ và ý tưởng truyền giáo của ông gặp nhiều trở ngại từ trong Hội Thánh và cạnh tranh giữa các nhóm phái vốn bị chia rẽ thời kỳ sau chiến tranh Nam - Bắc và làn sóng dân nhập cư mới. Tuy nhiên, cũng chính trong thời gian này, ý tưởng về việc truyền giáo ra hải ngoại bắt đầu nhen nhóm trong ông. Đặc biệt gây ấn tượng với A. B. Simpson là hoạt động của “Hội Truyền giáo Trung Hoa nội địa” (China Inland Mission, do giáo sĩ người Anh, Hudson Taylor, thành lập năm 1865 với đội ngũ hàng nghìn giáo sĩ). A. B. Simpson đã kể lại giấc mơ của mình như sau: “Tôi thấy mình ngồi trong một thính đường rộng mênh mông, có hàng triệu người ngồi chung quanh. Gần như toàn thể các Cơ Đốc nhân trên thế giới đều có mặt và trên bục giảng có vô số những khuôn mặt và hình dáng. Dường như hầu hết đều là người Trung Hoa. Họ không nói gì nhưng siết chặt hai bàn tay trong nỗi đón đầu cảm lặng và tôi không thể nào quên nét mặt họ. Tôi tỉnh dậy với khái tượng đó trong tâm trí, tôi thực sự run rẩy trong Chúa

Thánh Linh. Tôi đã quy xuống trên đầu gối và mỗi tế bào trong tôi đều thưa với Chúa rằng: “Vâng, lạy Chúa, con sẽ đi”⁶.

Công việc đầu tiên cần làm để thực hiện sự “Khải tượng” trên là phải xuất bản được một tạp chí mới cho công việc truyền giáo thế giới: “Để thực hiện chương trình này, ông phải ở gần trung tâm điều hành truyền giáo nào đó, gần một hải cảng mà các giáo sĩ đáp tàu đi về, lòng đầy áp nhiệt thành cho công việc truyền giáo. Ở Hoa Kỳ, chỉ có một thành phố như vậy, đó là New York. Ông phải sống ở New York để gặp gỡ và phỏng vấn những người có thể cung cấp tin tức sốt dẻo về các cánh đồng truyền giáo để tờ báo được sống động”⁷.

Tháng 11/1879, A. B. Simpson đến làm mục sư quản nhiệm tại Hội Thánh Thirteenth Street, New York với mức lương 5 ngàn đô la một năm. Tại đây, ông xuất bản tạp chí truyền giáo đầu tiên: “The Gospel in All Lands” (tạm dịch: Tin Lành cho toàn thế giới). Tuy nhiên, sau một năm trong chức vụ tại đây, ông bị bệnh tim và thần kinh hành hạ khiến không thể chu toàn nhiệm vụ. Đầu năm 1881, ông từ bỏ chức vụ và đi truyền giáo tự do.

Năm 1882, A. B. Simpson xuất bản một nguyệt san truyền giáo với tên khá đặc biệt mà theo người đương thời thì không êm tai chút nào: “The Word, Work and World” (tạm dịch: “Lời (ý nói của Chúa), Công việc và Thế giới”, cổ động cho việc truyền giáo hải ngoại⁸.

Thời kỳ từ 1882 cho đến trước khi A. B. Simpson thành lập Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A (1897) là thời kỳ đặc biệt trong cuộc đời của ông. Đây là thời kỳ “chuẩn bị cho chức vụ” của A. B. Simpson với những sự kiện đánh dấu sự hình thành quan điểm thần học và các hoạt động truyền giáo của ông.

Do vì bị đau ốm nặng, A. B. Simpson với niềm tin tôn giáo đã tích cực cầu nguyện và khi bệnh tật đã giảm bớt ông đã tin tưởng tuyệt đối vào “sự chữa bệnh từ Thiên Thượng”. Từ đây, trong lúc đi giảng đạo ông luôn luôn diễn thuyết, giảng về “Tin Lành đầy trọn”, hay về “đời sống sâu nhiệm hơn”.

Năm 1888, A. B. Simpson xuất bản cuốn “Tứ diện Phúc Âm” hay còn gọi là “Bốn phương diện của Tin Lành” phản ánh quan điểm thần học của mình. Bốn phương diện Tin Lành hay chủ thuyết tôn giáo 4 điểm của ông bao gồm:

- a) Đấng Christ là Cứu Chúa của chúng ta.
- b) Đấng Christ là Đấng Thánh hóa chúng ta.
- c) Đấng Christ là Đấng Chữa bệnh cho chúng ta.
- d) Đấng Christ là Vua Sẽ Đến của chúng ta.

Nhìn chung, “Tứ diện Phúc Âm” của A. B. Simpson không phải là suy tư thần học mới so với giáo thuyết Tin Lành dựa trên Thánh Kinh của các giáo hội, giáo phái khác. Tuy nhiên, điểm khác biệt nếu có chỉ là việc A. B. Simpson đã tóm tắt hóa, gói gọn và nhấn mạnh vào 4 luận điểm đó mà thôi. Trong khoảng thời gian hơn 10 năm từ khi rời bỏ Hội Thánh Thirteenth Street, New York, A. B. Simpson tích cực đi truyền giáo, gây dựng tổ chức, đặc biệt là việc ông lập ra Hội Thánh “Đền tạm Phúc Âm” tại New York và cổ vũ cho việc truyền giáo hải ngoại. Việc rao giảng “Tứ diện Phúc Âm”, “Sự chữa bệnh từ Thiên Thượng” và cổ động quá mức cho việc truyền giáo đã gặp nhiều sự phản đối từ các chức sắc và tín đồ các Hội Thánh mà ông cộng tác. Bởi vậy, A. B. Simpson có ý định lập một tổ chức mới quy tụ những người đồng chí hướng với ông. Đó là lý do tại sao vào năm 1887, 2 tổ chức “Hội Liên hiệp Truyền giáo” (The Missionary Alliance) và “Hội Liên hiệp Cơ Đốc” (The Christian Alliance) do A. B. Simpson cổ súy đã lần lượt ra đời. Từ hai tổ chức sơ khai này, vào năm 1897, Hội C.M.A được thành lập do A. B. Simpson làm Hội trưởng đầu tiên, ghi dấu ấn truyền giáo tại nhiều vùng trên thế giới.

A. B. Simpson từ trần vào năm 1919, sau hơn 20 năm trong chức vụ lãnh đạo tổ chức truyền giáo này.

1.3. Sự ra đời của Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A

Như vậy, vào năm 1887, đã có 02 tổ chức Tin Lành do A. B. Simpson cổ động thành lập:

Hội Liên hiệp Cơ Đốc (The Christian Alliance): quy tụ những tín đồ cùng chí hướng với những tư tưởng thần học của A. B. Simpson “khao khát những trải nghiệm sâu đậm về đức tin”, ủng hộ cho việc truyền giáo tại hải ngoại. Tuy nhiên, họ vẫn không tách rời các cộng đồng giáo phái mà họ đang sinh hoạt. Chính điều này là nguyên nhân gây ra nhiều rắc rối trong thời kỳ tiếp theo sau khi Hội C.M.A ra đời.

Hội Liên hiệp Truyền giáo (The Missionary Alliance): thành lập nhằm mục đích đưa các giáo sĩ ra hải ngoại và cung cấp phương tiện cho việc truyền giáo. Cũng dựa trên các nguyên tắc đơn sơ như Hội Liên hiệp Cơ

Đốc, hội này có tính cách đa giáo phái, sử dụng các giáo sĩ, chức sắc từ các giáo phái vào công việc truyền giáo quốc tế. Hội này được điều hành bởi Ban Quản trị Trung ương được bầu hằng năm. Hai năm sau ngày thành lập, Hội được đổi tên là *Hội Liên hiệp Truyền giáo Quốc tế* (The International Missionary Alliance) và A. B. Simpson được bầu là Tổng Thư ký.

Sự tồn tại của hai tổ chức này không khỏi gây ra điều lộn xộn, chông chéo trong điều hành, tình hình được mô tả như sau: “Hai tổ chức tiếp tục được điều hành riêng biệt trong mười năm dù buổi họp nghị sự của hai Hội có thể ở trong một phòng cùng một đêm, buổi họp này kế tiếp buổi họp kia và không một nhân viên nào đứng dậy rời phòng khi buổi họp đầu tiên chấm dứt. Các nhân viên cũng không thay đổi. Ông thư ký chỉ dùng quyển sách khác! Tổ chức Liên hiệp Cơ Đốc ủng hộ Hội Liên hiệp Truyền giáo Quốc tế nhưng không có tiếng nói nào trong việc điều hành. Ông Smith là ban viên của của một tổ chức có thể quyết định thi hành một dự án truyền giáo nhưng ông phải chờ cho ban điều hành của tổ chức kia họp lại mà ông cũng là một ban viên, trước khi ông biết chắc chắn là chính mình có chấp thuận chi tiêu cho dự án trên không! Thật là lộn xộn”⁹.

Đến năm 1897, hai tổ chức trên chính thức sáp nhập làm một, hình thành Hội C.M.A. Tên gọi của tổ chức này và cả sự dịch nghĩa ra tiếng Việt sau này là cả một câu chuyện dài, phức tạp và không kém phần lý thú:

“Không tổ chức nào muốn bỏ tên của mình nên họ thỏa hiệp bằng cách giữ cả hai, chỉ bỏ vài chi tiết nhỏ và họ long trọng bám theo tên mới. Kết quả là một tổ chức tốt với cái tên quá dài và bất tiện mà mỗi khi dùng phải kèm theo cái đuôi này: The Christian and Missionary Alliance. Khi có ai hỏi họ thuộc tổ chức nào thì các thuộc viên như lấy nghị lực, lấy hơi rồi bắt đầu đọc. Tệ hơn nữa là khi mới nghe lần đầu, không ai hiểu. Sau khi nói đến lần thứ tư, người đặt câu hỏi cũng lấy nghị lực, mỉm cười và bắt đầu cố gắng rứt rề lặp lại trong khi trên mặt phản chiếu cả một thế giới vô tín. Không cần phải có ân tứ tiên tri mới thấy rằng Hội này tượng trưng cho sự đắc thắng đẹp đẽ của lòng sốt sắng thánh khiết vượt lên trên tên gọi ngô nghê.

Tuy nhiên, mục sư A. B. Simpson coi đó là một tên tốt, ông nói “Tên đó bày tỏ nét đặc sắc của phong trào chúng ta. Chúng ta liên hiệp các tín đồ lại cho công việc truyền giáo khắp thế giới”. Thế là mọi sự được giải quyết. Nhưng chúng ta vẫn ước ao làm sao diễn tả được ý tưởng trên mà không đòi hỏi nhiều nơi ký ức và bớt mệt cho thanh quản”¹⁰.

Sau này, khi các giáo sĩ C.M.A đến truyền giáo tại Việt Nam, tên của tổ chức này được dịch ra tiếng Việt là: *Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp*, hay *Hội Liên hiệp Cơ Đốc và Truyền giáo*. Ngoài ra, các giáo sĩ C.M.A và giới chức Tin Lành người Việt còn hay gọi tắt là *Hội Truyền giáo* hay *Hội Liên hiệp*.

Những tên gọi trên lâu ngày thành quen nhưng thực ra không diễn tả trọn ý nghĩa của tên gọi nguyên gốc. Cụ thể, nên hiểu theo nghĩa đen rất đơn giản như một số giáo sĩ đã nhắc tới: *Liên minh Tín hữu và Giáo sĩ*. Đó là vì từ *Christian* trong tiếng Anh còn là tính từ chỉ người (tín đồ) theo Chúa Jesus Christ. Hơn nữa, hai tổ chức tiền thân của Hội C.M.A như tên gọi của họ nhằm mục đích liên kết cả tín đồ và hàng giáo sĩ cùng tham gia đi truyền giáo hải ngoại nên tên gọi có ý nghĩa đơn giản vậy mà thôi.

Trong bài viết này, để làm rõ nghĩa, chúng tôi sử dụng tên *Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A* để vừa nêu về tính chất của tổ chức này, vừa giữ tên viết tắt nguyên gốc của họ mà không dịch nghĩa tương đương.

2. Đường hướng thần học, hệ thống tổ chức của Hội C.M.A

2.1. Quá trình định hình về đường hướng giáo thuyết, thần học

Đối với một tổ chức mới ra đời, việc khẳng định tín điều, giáo lý, đường hướng thần học là công việc cần kíp nhằm đoàn kết, lôi cuốn thành viên, bảo vệ tổ chức khỏi tan rã. Điều này càng quan trọng trong thế giới Tin Lành vốn quá nhiều tổ chức, giáo phái mà không phải lúc nào cũng đoàn kết hay thông công được với nhau.

2.1.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chủ thuyết của Hội C.M.A

Thứ nhất: Cuối thế kỷ XIX, đặc biệt là trong hai thập niên cuối, tại Bắc Mỹ và Châu Âu, trong thế giới Tin Lành, *phong trào phục hưng*¹¹ (phần hưng) đức tin phát triển mạnh giữa vòng các giáo hội, giáo phái. Các nhà tư tưởng của phong trào này kêu gọi thánh hóa đời sống tín đồ, sự sốt sắng nhiệt huyết trong đức tin, trong công việc truyền giáo, quay trở lại tinh thần Cơ Đốc giáo sơ khai thời các Sứ đồ, v.v..

Nghiên cứu cho thấy A. B. Simpson và các nhà lãnh đạo của Hội C.M.A đã chịu sự tác động của các tư tưởng thần học này.

Thứ hai: Luận điểm về “Quyền năng chữa bệnh” của Chúa được nhiều nhà truyền giáo khai thác triệt để từ câu chữ trong Kinh Thánh để làm chứng, diễn thuyết, giảng đạo thu hút tín đồ.

Thứ ba: Thuyết “Tiền Thiên hi niên” đang được tuyên truyền rộng rãi, được coi là cứu cánh, là phương thuốc nhiệm mầu để kêu gọi sự sùng đạo, theo đạo. Bằng sự diễn thuyết nhấn mạnh về những điều được ghi trong sách Khải Huyền thuộc Tân Ước tiên tri về sự trở lại của Chúa Jesus Christ trước khi Ngài cai trị một ngàn năm trên Trái Đất¹².

Thứ tư: Vai trò ảnh hưởng của cá nhân A. B. Simpson. Nghiên cứu về cuộc đời A. B. Simpson giai đoạn trước và sau khi thành lập Hội C.M.A cho thấy những trào lưu, tư tưởng thần học đương thời đã ảnh hưởng mạnh lên tâm trí của nhà truyền giáo này. Cuốn sách nổi tiếng của ông “Tứ diện Phúc Âm” đã nói lên tất cả khi nó phản ánh những luận điểm thần học đang phổ biến và lan truyền trong giới Tin Lành thời bấy giờ.

Tuy nhiên, dù trở thành Hội trưởng đầu tiên của Hội C.M.A, A. B. Simpson cũng không thể áp đặt toàn bộ quan điểm thần học của mình lên tổ chức này. Bằng chứng là ông cũng chỉ là 1 trong số 9 người sáng lập ra C.M.A, những người còn lại là lãnh đạo các cộng đồng Tin Lành theo nhiều giáo phái khác nhau.

Tư tưởng “Tứ diện Phúc Âm” của ông cũng đã từng gặp nhiều phản ứng gay gắt từ các tín đồ và những người lãnh đạo giáo phái khác trước và sau khi thành lập C.M.A.

Thứ năm: Vai trò ảnh hưởng của các thành phần tham gia C.M.A.

Trong giai đoạn đầu hoạt động, thành viên tham gia C.M.A là chức sắc, tín đồ của các giáo phái Tin Lành khác nhau và họ chỉ sinh hoạt trong tổ chức C.M.A với tư cách “câu lạc bộ truyền giáo”. Bởi vậy, tín lý, giáo thuyết mà họ tin theo vẫn phụ thuộc vào giáo phái cũ, không dễ gì chấp nhận sự khác biệt về chủ thuyết tín điều được dạy dỗ.

Điều này khiến cho việc soạn thảo những nguyên tắc chung về tín lý, chủ thuyết của Hội C.M.A, công bố công khai để thu hút hội viên là điều tối quan trọng.

2.1.2. Đường hướng về giáo lý, tín điều của Hội C.M.A

Trong các văn kiện của Hội C.M.A, phần lớn nội dung là các quy định, thể chế về cơ cấu tổ chức của các ủy ban và đường hướng hoạt động, phần đề cập đến tín lý, giáo thuyết được ghi khá sơ lược và lỏng lẻo trong mục đích thành lập. Cụ thể, nhấn mạnh đến “Nguyên tắc Đức tin” như sau: “Sống bởi đức tin và phó thác cho Chúa những nhu cầu tài chính cho bản thân cũng như nhu cầu công tác là một phần triết lý nền tảng của

Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên Hiệp”¹³. Trong phần “Hiến chương cho các giáo hội” (Constitution for Churches) có mục thứ hai nói về giáo thuyết (Doctrine) rất ngắn gọn nhấn mạnh vào các điều sau: tín lý về Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời Ba Ngôi, về Thần tính của Đấng Christ, về sự nhập thể, về sự chết và sự sống lại, về Đức Thánh Linh, về Kinh Thánh, về Con Người, sự cứu rỗi, sự Thánh hóa, sự chữa bệnh, sự sống lại, sự đoán xét và sự tái lâm của Chúa, v.v.. Tại chương quy định về công tác đào tạo (các trường thần học) có mục về đường hướng giáo thuyết (Doctrinal Statement) giải thích rõ hơn về 11 các lễ đạo trên, tuy nhiên, chỉ gói gọn trong 2 trang sách¹⁴.

Bản *Tuyên ngôn Đức tin* chính thức được tổ chức này tái xác nhận vào năm 1965 mà hầu như không có sự sửa đổi gì.

Nhận định ban đầu về đường hướng giáo thuyết của C.M.A, theo chúng tôi, có những điểm đáng chú ý sau:

Do phải tập trung vào mục đích chính là truyền giáo và tránh sự mâu thuẫn giữa các thành viên tham gia (vốn thuộc nhiều giáo hội, giáo phái khác nhau) nên tuyên ngôn về giáo thuyết, tín điều của Hội C.M.A chỉ nêu ra những điểm chung nhất của chủ thuyết Tin Lành, cộng thêm một số tư tưởng gắn liền với các trào lưu thần học thời bấy giờ để tăng sức thu hút tín đồ (sự thánh hóa đời sống, sự chữa bệnh, sự Tái lâm của Chúa, v.v.).

Kết quả là tuyên ngôn về chủ thuyết, tín lý của tổ chức này không tránh khỏi sự đơn giản, chung chung, chưa hoàn thiện. Điều này giải thích những vấn nạn mà tổ chức này phải đối mặt ngay sau khi được thành lập.

2.1.3. Sự chia rẽ vì tín lý, học thuyết

Cùng lúc với sự ra đời của Hội C.M.A, phong trào Ngũ Tuần tại nước Mỹ cũng xuất hiện với giáo lý thiên về kêu gọi tín đồ cầu tìm các phép lạ như chữa bệnh, “nói tiếng lạ”, báp tem bằng Đức Thánh Linh. Điều này không khác xa bao nhiêu với chủ thuyết “Chữa bệnh Thiên thượng” mà A. B. Simpson rao giảng. Tình hình được ghi nhận như sau: “Ban đầu, điều này không gây khó khăn gì cho Hội, tuy nhiên, các lãnh tụ của phong trào nói tiếng lạ bắt đầu giảng dạy rằng không thể nào đầy rẫy Đức Thánh Linh nếu như không kèm theo nói tiếng lạ. Giáo lý này được biết với tên “giáo lý chứng cứ”, do đó mà Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên

hiệp bị chia rẽ. Một số mục sư đã ra đi nhưng cũng có nơi cả Hội Thánh ra đi, nhiều tín hữu mất đức tin”¹⁵.

Tính chất nghiêm trọng của vấn đề đã khiến cho Hội C.M.A phải triệu tập gấp một kỳ “Đại Hội Đồng về Chân lý và Lời chứng” năm 1906 để xem xét vấn đề và kết luận: “nói tiếng lạ” theo Kinh Thánh cũng là một “ân tứ” nhưng phải là tự nhiên từ Thiên thượng, Hội C.M.A chủ trương “không bác bỏ, cũng không tìm cầu”.

Đại Hội cũng đã tái xác nhận quan điểm giáo lý như cũ. Tuy nhiên, vấn đề vẫn chưa được giải quyết trọn vẹn. Sự đơn giản, sơ lược trong chủ thuyết, tín điều của Hội C.M.A còn là điểm yếu trong sự cạnh tranh truyền giáo với các giáo phái, tổ chức khác thời kỳ sau này.

2.2. Quá trình hình thành hệ thống tổ chức của Hội C.M.A

Về hình thức tổ chức đầu tiên của Hội C.M.A, sau này một sử gia Tin Lành người Việt đã tóm tắt như sau: “A. B. Simpson quyết định khởi phát tổ chức riêng. Tuy nhiên, ông không có ý định khởi sự một giáo phái mới, một điểm ông kiên quyết nhấn mạnh cho đến tận đời ông. Ông chỉ tổ chức một đoàn thể, một hội xã như về sau được biết, liên kết chặt chẽ các mục sư và Cơ Đốc nhân từ các giáo phái khác nhau để đi giảng Tin Lành cho những đám quần chúng bị lãng quên khắp thế gian”¹⁶. Đáng chú ý nữa là chi tiết: “Cộng thêm với A. B. Simpson, ban dẫn đạo đầu tiên của Hiệp hội (C.M.A) gồm những người thuộc giáo phái Giám nhiệm (Episcopal), Trưởng lão (Presbyterian), Giám lý (Methodism), Báp-tít, Mennonite cộng tác mật thiết với Simpson mà không từ bỏ giáo phái riêng của họ”¹⁷.

Buổi ban đầu, dù đã tuyên bố thành lập tổ chức và A. B. Simpson đảm nhiệm chức vụ Hội trưởng nhưng hình thức hoạt động của Hội C.M.A chủ yếu là tổ chức các Đại hội Truyền giáo và các Trại Kinh Thánh mùa hè. Hội đồng Truyền giáo được tổ chức ở khắp nơi nhằm thu hút mọi tín đồ chức sắc từ tất cả các giáo phái, các chi hội Tin Lành có lòng đóng góp vào công việc truyền giáo hải ngoại, sau đó lập ra các *chi nhánh* để làm công việc liên hệ. Trại Kinh Thánh mùa hè là nơi bồi dưỡng, huấn luyện kỹ năng cho các nhân sự (cả tín đồ và mục sư) chuẩn bị đi truyền giáo.

Tuy nhiên, đường hướng này chẳng bao lâu gặp vấn đề rắc rối. Một số giáo phái tố cáo Hội C.M.A tranh giành tín đồ của họ. Các tín hữu tham gia vào công việc của Hội C.M.A phản nản vì phải sinh hoạt thờ phượng

Chúa theo giáo hội của họ vào mỗi sáng Chúa nhật, chiều lại hội họp với tư cách hội viên C.M.A nên rất bất tiện.

Trước nan đề như vậy, vào năm 1912, một Đại Hội đồng của C.M.A được tổ chức nhằm xét lại Hiến chương của Hội. Từ bỏ đường hướng phi giáo phái, Hội C.M.A trở thành một giáo phái với mạng lưới chi hội và tín đồ riêng của mình, cụ thể :

Thành lập Hội đồng Tổng hội (General Council) là cơ chế hành chính cao nhất của Hội C.M.A.

Thiết lập nguyên tắc căn bản về định chế đại biểu của các Hội Thánh và Chi nhánh tham dự Hội đồng.

Thiết lập các khu vực và hạt trong lĩnh vực điều hành.

Các chi hội được thành lập do các Giám thị địa phương coi sóc mà tránh gọi là mục sư quản nhiệm như các giáo phái khác.

Về tính chất lương lự, không công nhận mình là một giáo phái của Hội C.M.A, sau này một sử gia của C.M.A đã bình luận như sau: “Sau nửa thế kỷ, Hội tiếp tục y như hồi mới thành lập, một phong trào tăng trưởng, tháo vát và sôi nổi cho việc truyền giáo thế giới, một tổ chức duy nhất trên thế giới không biết mình là ai. Hội cứ nhẹ nhàng và khẳng khẳng tuyên bố mình không phải là một giáo phái mà vẫn thi hành mọi chức năng thuộc linh và giáo quyền như bất kỳ một giáo phái Tin Lành nào trên thế giới và không bỏ sót một công việc nào. Thật là một sự “không biết” ngọt ngào”¹⁸.

Chỉ đến thập niên 20 (thế kỷ XX), Hội C.M.A mới phân nào định hình về tổ chức và phát triển hệ thống của mình tại Bắc Mỹ. Từ đây, bắt đầu thời kỳ phát triển và đẩy mạnh hoạt động truyền giáo hải ngoại của tổ chức này.

3. Sự phát triển của Hội C.M.A qua các giai đoạn lịch sử

3.1. Quá trình phát triển của Hội C.M.A tại Bắc Mỹ

Bắc Mỹ được các nhà sáng lập ra Hội C.M.A xác định là “vùng nội địa” của mình. Chính đây là nơi đào tạo, cung cấp nhân sự, cung cấp nguồn tài chính cho mọi nhu cầu của tổ chức, vì vậy nhiệm vụ củng cố, phát triển mạng lưới giáo hội tại Bắc Mỹ là công việc hàng đầu của các lãnh đạo Hội này và được thực hiện trong từng thời gian như sau:

3.1.1. Thời kỳ từ 1920 đến 1939

Năm 1912, Hội C.M.A có sự thay đổi chính sách, cải sửa Hiến chương và định hướng xây dựng một tổ chức giáo hội độc lập. Quy chế thành lập các giáo hạt thể hiện hành động bước đầu của chính sách này. Đã có 7 giáo hạt chia theo khu vực như sau: Giáo hạt New England, Giáo hạt Canada, Giáo hạt Miền Đông, Giáo hạt khu vực Trung tâm, Giáo hạt Miền Nam, Giáo hạt Miền Tây và Giáo hạt khu vực bờ Thái Bình Dương.

Cho đến đầu những năm 1920, Hội C.M.A có 175 chi nhánh và 50 hội thánh, tuy nhiên, họ vẫn chưa thuộc thành viên trọn vẹn của tổ chức này (vẫn là tín đồ của các giáo phái khác). Hội C.M.A không có nhà thờ và vẫn chưa chính thức trở thành một tổ chức giáo phái.

Quá trình thay đổi bắt đầu xảy ra trong khoảng từ năm 1918 đến năm 1938 với những sự biến chuyển rõ rệt. Năm 1938, Hội C.M.A đã đào tạo được một đội ngũ 519 cán sự chính thức phục vụ trong 519 chi hội. Họ bắt đầu tổ chức cho tín đồ sinh hoạt riêng, mở nhiều trường, lớp dạy Kinh Thánh theo đường hướng của mình.

3.1.2. Thời kỳ từ 1939 đến 1963

Đây là giai đoạn mà các sử gia C.M.A coi là quan trọng nhất vì nó đánh dấu hai mốc lịch sử quan trọng của tổ chức này: kỷ niệm 50 năm và 75 năm thành lập Hội.

Về mặt kinh tế - xã hội, trong và sau Chiến tranh Thế giới lần II, nước Mỹ đã phát triển vượt bậc, đời sống kinh tế của tín đồ khá lên nhiều, cơ hội truyền giáo, mở mang ảnh hưởng rất thuận lợi cho các nhà lãnh đạo của Hội C.M.A: “Chỉ ít lâu sau, một động lực mới thúc đẩy việc truyền bá Phúc Âm đã đưa Hội Liên hiệp đến nhiều khu vực mới ở Mỹ và Canada, nhiều giáo hạt mới được thành lập. Nhiều phương tiện mới mẻ, sáng tạo được sử dụng để mở hội thánh. Đường lối suy nghĩ lạc hậu trong 50 năm đầu tiên của phong trào nhường chỗ cho những phương pháp mới mở mang hội thánh. Nhà thờ được thiết kế với giá thành thấp và chú ý đến vị trí thích hợp... Các nhà lãnh đạo ở Mỹ và Canada quan tâm đến vấn đề hội thánh trong nước phải tăng trưởng để khả năng cung cấp nhân lực cho công cuộc truyền giáo cũng như gây quỹ hỗ trợ cho công cuộc truyền giáo có thể đáp ứng nhu cầu của các chương trình ở hải ngoại”¹⁹.

3.1.3. Thời kỳ từ 1963 đến nay

Tuy đã thu được ít nhiều kết quả trong chiến lược khẳng định đường hướng xây dựng tổ chức giáo hội của mình Hội C.M.A vẫn chỉ là một tổ

chức Tin Lành nhỏ bé tại Bắc Mỹ. Sự tăng trưởng chậm chạp và khiêm tốn, đặc biệt trong sự so sánh với các giáo hội, giáo phái Tin Lành khác tại đây.

Trong giai đoạn 15 năm dưới quyền điều hành của Hội trưởng K. M. Bailey (từ 1960 đến 1978), đã có những nỗ lực sau nhằm gây dựng và phát triển tổ chức :

- Lập quỹ mở hội thánh mới để trợ giúp cho các chi hội mới xây dựng các cơ sở ban đầu.

- Liên kết với các giáo phái khác mở các chương trình truyền giáo trên toàn quốc, ví dụ chương trình “chìa khóa năm 1973”.

- Mở chương trình “Truyền giáo sắc tộc” cho các tộc người da đỏ, các cộng đồng di dân vào Mỹ với hơn 28 nhóm ngôn ngữ khác nhau nhằm mở rộng phạm vi và đối tượng truyền giáo.

- Đặt mục tiêu tăng trưởng gấp đôi vào năm 1987 - mốc thời gian kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Hội .

Chương trình mở mang tổ chức tại Bắc Mỹ của Hội C.M.A chưa đưa lại kết quả nào nổi bật thì ngay trong tổ chức của họ đã lại chịu sự phân tách. Từ năm 1981, 3 hạt tại Canada đã tách ra lập Tổng hội riêng mang tính chất quốc gia. Điều này đã chia nhỏ và làm vị thế của Hội C.M.A suy yếu thêm trong tương quan giáo hội, giáo phái Tin Lành tại Bắc Mỹ.

3.2. Công tác truyền giáo hải ngoại

Trái ngược với số thuộc viên ít ỏi tại Bắc Mỹ, Hội C.M.A lại khá thành công trong công việc truyền giáo tại hải ngoại. Điều này có được có lẽ nhờ vào mục đích ngay khi thành lập là nhằm mục tiêu truyền giáo tại các miền xa xôi trên khắp thế giới. Tuy nhiên, mục tiêu truyền giáo và phát triển thì nhiều giáo phái, giáo hội đều đặt ra, điểm mấu chốt là phương cách và nhiệt huyết khi tiến hành. Trong lĩnh vực này, Hội C.M.A có những cách thức tiến hành khá riêng biệt, được khởi đầu từ A. B. Simpson và được tiếp nối, hoàn thiện bởi các lãnh đạo của thế hệ sau.

3.2.1. Công tác tuyển dụng và đào tạo giáo sĩ

Thời kỳ đầu, trong khi các giáo hội, giáo phái khác chỉ bổ nhiệm những người đã được đào tạo trình độ cao cấp đi phục vụ ở ngoại quốc thì A. B. Simpson lại nhìn ra nhu cầu sử dụng một đội ngũ những người không chuyên nghiệp, chỉ cần lòng sốt sắng và một hành trang vừa đủ về

tín lý Cơ Đốc giáo cùng hiểu biết căn bản về công việc gây dựng hội thánh ban đầu là được. Điều này thực ra là nhằm giải quyết vấn đề chi phí và thời gian. Cả hai cái đó A. B. Simpson và Ban Lãnh đạo Hội C.M.A đều thiếu vì chỉ là các nhóm tín đồ, cộng đồng nhỏ mà thôi. Tuy nhiên, trái lại chính sách này lại mang lại các kết quả nhanh vì sự năng động và tính nhiệt huyết của đội ngũ này trong điều kiện tại các miền truyền giáo đa số dân chúng còn nghèo nàn, lạc hậu.

Giai đoạn sau, tại các miền truyền giáo, trình độ dân trí đã cao, các hội thánh quốc gia đó đã xuất hiện các nhà lãnh đạo có trình độ thì Hội C.M.A chuyển hướng sang đào tạo nâng cao cho họ. Đồng thời, trong các Viện Thần học tại Mỹ đã bổ xung các môn học đặc biệt để huấn luyện giáo sĩ như: xã hội học, nhân chủng học, ngôn ngữ học để họ có đủ trình độ đi truyền giáo.

3.2.2. Chính sách tài chính hỗ trợ truyền giáo

Chính sách tài chính truyền giáo của Hội C.M.A được xây dựng trên “Nguyên tắc Đức tin” đã được áp dụng từ buổi đầu cho đến hiện nay. Điều này khá lạ lùng, nhưng trong thế giới Tin Lành thì lại là chuyện bình thường: “Từ đầu, Hội Liên hiệp noi theo mô hình các tổ chức truyền giáo bằng đức tin như Hội Truyền giáo Trung Hoa nội địa (China Inland Mission). Mỗi một cán sự của Hội tự cam kết đặt niềm tin trọn vẹn nơi Chúa trong vấn đề tài chính. Mục sư A. B. Simpson khuyến khích các hội thánh tìm kiếm sự hướng dẫn của Chúa trong việc dâng hiến cho công cuộc truyền giáo. Ông khuyến khích họ dâng hiến vượt quá khả năng của mình và đặt lòng tin nơi Chúa để Ngài bù đắp lại. Nhờ vậy, trong các hội đồng truyền giáo, người ta thu được số tiền lớn. Từ đó đến nay, Hội vẫn tiếp tục với đường lối này.

Ngân sách hàng năm của Hội Liên hiệp được đặt trên cơ sở đức tin, không có quỹ dự trữ. Toàn thể chương trình truyền giáo được xây dựng trên đức tin của tất cả con dân Chúa. Đây là một hệ thống hỗ trợ truyền giáo rất độc đáo mà ngày nay vẫn có tác dụng như thời kỳ đầu của phong trào”²⁰.

3.2.3. Cổ động, tuyên truyền cho việc truyền giáo

Là công việc rất quan trọng để thu hút được nguồn tài chính và nhân lực cho hoạt động truyền giáo. Để giúp các hội thánh tại Mỹ theo dõi tiến triển của công việc truyền giáo ở ngoại quốc, mỗi năm tại mỗi chi hội đều tổ chức một hội đồng. Các giáo sĩ đang nghỉ phép sẽ trình bày công việc

trong lĩnh vực của mình, đồng thời thông báo các tin tức mới nhất về công việc của Hội. Chính nhờ các hội đồng gây ấn tượng này mà cổ động được tiền bạc, tìm kiếm thêm nhiều nhân sự cho công việc truyền giáo.

3.2.4. Thể chế điều hành công tác truyền giáo

Qua nhiều sự cải sửa, bộ máy điều hành công tác truyền giáo hải ngoại hoạt động theo một cơ cấu như sau:

Các chương trình truyền giáo lớn của Hội C.M.A được đặt dưới sự giám sát của Khối Truyền giáo Quốc ngoại, văn phòng được đặt tại trụ sở quốc tế của Hội tại Nyack, New York. Đặt dưới quyền của Phó Chủ tịch Khối là các thư ký khu vực chịu trách nhiệm từng lãnh vực chính của công việc truyền giáo. Các thư ký khu vực đi công tác trong phạm vi địa dư quy định để giám sát công việc, bàn bạc, giải quyết các vấn đề với các giáo sĩ và lãnh đạo giáo hội địa phương tại đó.

Trong thành phần điều hành của Khối Truyền giáo Quốc ngoại, có giám đốc phụ trách tuyển dụng giáo sĩ phụ trách việc tuyển dụng, giám sát hoạt động, chuẩn bị nhân sự cho việc truyền giáo.

Các chương trình truyền giáo quy mô nhỏ hơn được các chi nhánh của C.M.A tại từng vùng, quốc gia chủ động lên kế hoạch, thực hiện và báo cáo về Tổng hội theo định kỳ.

3.3. Lược sử công cuộc truyền giáo của Hội C.M.A

Ngay từ năm 1884, khi chưa thành lập 2 tổ chức tiền thân của Hội C.M.A, dưới sự cổ động của A. B. Simpson, một nhóm giáo sĩ đã được phái đến Congo để truyền giáo.

Năm 1888, 1 năm sau ngày thành lập 2 tổ chức đầu tiên, 20 giáo sĩ đã được phái sang Trung Hoa, mở chi nhánh truyền giáo.

Năm 1890, Hội C.M.A mở chi nhánh truyền giáo tại Syria, Lebanon, Jordan và Israel. Tại Châu Phi, xứ Sudan đã có mặt giáo sĩ của Hội.

Từ năm 1891 đến 1897, số lượng giáo sĩ tăng từ 100 lên đến 350 người. Các chi nhánh mới được mở tại Nhật Bản, Argentina, Chile, Ecuador.

Năm 1902, mở chi nhánh truyền giáo tại Phillippines.

Năm 1911, mở chi nhánh truyền giáo tại Việt Nam.

Năm 1922, mở chi nhánh truyền giáo tại Burkina Faso, Mali và Cambodia.

Năm 1929, mở chi nhánh truyền giáo tại Thailand, Laos và Indonesia.

Từ năm 1939 đến 1945, do chiến tranh thế giới bùng nổ, công việc truyền giáo nhiều nơi bị ngưng trệ, đã có 10 giáo sĩ bị giết. Tuy nhiên, lực lượng giáo sĩ vẫn duy trì hơn 500 người.

Vào năm 1954, theo số liệu thống kê, có tới 824 giáo sĩ làm công việc truyền giáo tại hải ngoại, gây dựng được 1.486 hội thánh (chi hội) với tổng số tín đồ báptem lên tới 131.843 người.

Năm 1962, 1963: mở chi nhánh truyền giáo mới tại Brazil và Taiwan, năm 1969 mở chi nhánh truyền giáo tại Australia, Dominican, Guatemala, v.v..

Số liệu thống kê vào năm 1977: có 890 giáo sĩ làm việc tại hải ngoại với con số chi hội gây dựng được là 4.453 với số tín đồ báptem là 332.443 người.

Số liệu thống kê vào năm 1985: số lượng giáo sĩ lên tới 1.134 người, gây dựng được 10.649 hội thánh ở nhiều quốc gia với số tín đồ báptem là 569.743 người trên tổng số tín đồ nói chung là 1.836.277 người.

Năm 1993, mở các chi nhánh truyền giáo mới tại Hungary, Ba Lan, Nga và Nam Tư.

Năm 1995, các giáo sĩ quay trở lại Việt Nam, Cambodia và Trung Quốc dưới nhiều hình thức (riêng tại Cambodia đã mở lại chi nhánh).

Cho đến năm 2003, Hội C.M.A có 1.100 giáo sĩ hoạt động tại 66 nước và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới với số tín đồ thuộc toàn thể các giáo hội mà C.M.A gây dựng giờ đây lên tới 2,5 triệu người (trong số đó, theo thống kê của Hội C.M.A, riêng tại Việt Nam đã có 800.000 tín đồ, chiếm 1/3).

Tại nước Mỹ, tổng số tín đồ có khoảng 350.000 người với 2.000 nhà thờ²¹.

3.4. Tổ chức Hội Liên hiệp Thông công Thế giới - The Alliance World Fellowship

Kết quả truyền giáo và sự tăng trưởng các hội thánh bản xứ do Hội C.M.A thành lập qua hoạt động truyền giáo thế giới đã đặt ra vấn đề cần một tổ chức, một diễn đàn liên kết giữa họ. Bởi vì, theo quy chế, các giáo hội này sẽ độc lập với Hội C.M.A. Lo ngại những thay đổi về chính trị xã hội tại nhiều vùng sẽ làm gián đoạn mối liên hệ này nên vào năm 1975, các nhà lãnh đạo đã triệu tập một hội nghị quốc tế của các giáo hội thuộc

C.M.A với đại diện đến từ 25 quốc gia. Kết thúc hội nghị, một tổ chức chung đã ra đời, đó là Hội Liên hiệp Thông công Thế giới (*The Alliance World Fellowship*) với Hiến chương gồm 10 điểm, nhấn mạnh tới các mục tiêu như: Đề yểm trợ và khích lệ lẫn nhau trong hoạt động truyền giáo, để đạt sự thống nhất trong các tiêu chuẩn thần học, để trao đổi nhân sự trong các lĩnh vực chuyên môn, v.v..

4. Kết luận

Ngay từ khi mới thành lập, A. B. Simpson, vị Hội trưởng đầu tiên của Hội C.M.A đã từng viết: “Mục đích của chúng ta không nhằm thành lập những học viện, trường học, nhà thờ và bệnh viện đắt tiền. Nhưng nhằm phát động một phong trào truyền bá Phúc Âm mạnh mẽ, có thể quét qua thế giới ngoại giáo và rao giảng Phúc Âm cứu rỗi cho mọi người càng nhanh càng tốt”²². Các nhà thần học sau này của C.M.A cũng khẳng định: “Hội Liên hiệp trải bao năm qua vẫn được gọi là một phong trào (movement). Ngay từ khởi đầu, Thầy chúng ta đã thổi vào các bánh xe của phong trào một mạng lệnh “Hãy đi”. Phong trào không bao giờ được hình thành để đứng yên một chỗ. Nó chỉ thăng bằng khi tiến về phía trước. Nó ngã nghiêng khi giảm tốc độ. Nó sẽ bị đổ nhào thành một đống mảnh vụn tôn giáo khi dừng lại. Vì vậy, nó không được dừng lại”²³.

Như vậy, Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A khởi đầu thành lập với tư cách là một tổ chức truyền giáo liên giáo phái với quy mô nhỏ bé và ngân quỹ hạn chế. Với hoạt động chú trọng vào công cuộc truyền giáo hải ngoại, lại không được sự trợ giúp từ một giáo hội, giáo phái lớn nào nên tổ chức và đường hướng của Hội C.M.A mang tính liên hiệp. Chủ thuyết, tín lý chỉ bao gồm các lẽ đạo chung nhất của thần học Tin Lành nhằm tập hợp các chức sắc và tín đồ từ nhiều giáo phái khác nhau tham gia.

Trải qua thời gian hơn một thế kỷ hoạt động, Hội C.M.A luôn bị chi phối, giằng xé giữa việc giữ nguyên tính chất phong trào một hội truyền giáo đa giáo phái với nhu cầu phát triển hệ thống của mình ngay tại Bắc Mỹ.

Kết quả là từ một *hội truyền giáo*, theo thời gian, tổ chức này đã trở thành một *giáo phái truyền giáo*. Tuy kết quả truyền giáo hải ngoại đem đến nhiều sự khích lệ cho giới chức C.M.A nhưng không hẳn mọi điều đều suôn sẻ. Do chỉ chú trọng vào công việc truyền giáo trực tiếp, không có nguồn lực và không chủ trương gây dựng nền móng vững chắc qua các hình thức truyền giáo gián tiếp như lập cơ sở giáo dục, y tế, đào tạo

trí thức bản xứ, cộng thêm đội ngũ giáo sĩ phần nhiều không được đào tạo chuyên sâu nên đã để lại nhiều nan đề về mặt văn hóa và thần học cho các hội thánh bản xứ.

Trải qua hơn 100 năm lịch sử, ngày nay, nhiều vấn đề liên quan đến tương lai của Hội Truyền giáo Tin lành C.M.A đang đặt ra đối với những người kế thừa di sản của A. B. Simpson./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Viết tắt của: The Christian and Missionary Alliance
- 2 Alice Parmelee (1939), *Lịch sử Hội Thánh*, Viện Thần học Việt Nam xuất bản, Garden Grove, California: 206 - 207.
- 3 Jean Baubérot (2006), *Lịch sử đạo Tin Lành*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 153.
- 4 A. W. Tozer (1996), *Cất cánh bay cao: A. B. Simpson - Một nghiên cứu về cao độ thuộc linh*, Christian Publications, Camp Hill, Pennsylvania: 95. (Bản dịch của Giáo hạt Tin Lành Việt Nam tại Hoa Kỳ).
- 5 Jean Baubérot (2006), *Lịch sử đạo Tin Lành*, Sđd: 153 - 155.
- 6 A. W. Tozer (1996), *Cất cánh bay cao: A. B. Simpson...*, Sđd: 62.
- 7 A. W. Tozer (1996), *Cất cánh bay cao: A. B. Simpson...*, Sđd: 66 - 67.
- 8 Tạp chí này sau trở thành cơ quan ngôn luận chính thức của Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A, đã từng đăng lời kêu gọi truyền giáo cho vùng Đông Dương thuộc Pháp - NXH.
- 9 A. W. Tozer (1996), *Cất cánh bay cao: A. B. Simpson...*, Sđd: 100.
- 10 A. W. Tozer (1996), *Cất cánh bay cao: A. B. Simpson...*, Sđd: 101.
- 11 Tiếng Anh là: Revivalism.
- 12 Một ngàn năm theo âm Hán là Thiên hi niên, “Tiền Thiên hi niên” có nghĩa là trước một ngàn năm.
- 13 K. M. Bailey (1990), *Nghênh đón Vua trở lại*. Tài liệu giới thiệu về lịch sử và quan điểm của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp, Trung tâm Nghiên cứu Thần học xuất bản, New York. Bản dịch của Giáo hạt Tin Lành Việt Nam tại Hoa Kỳ, tr. 13.
- 14 Xem: *Manual of the Christian and Missionary Alliance*, The C.M.A New York, 1957: 125 - 126.
- 15 K. M. Bailey (1990), *Nghênh đón Vua trở lại*, Tài liệu giới thiệu về lịch sử và quan điểm của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp, Sđd: 14 - 15.
- 16 Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1911 - 1965)*, Trung tâm Nghiên cứu Phúc Âm xuất bản, Sài Gòn: 38.
- 17 Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1911-1965)*, Sđd: 38 - 39.
- 18 A. W. Tozer (1996), *Cất cánh bay cao: A. B. Simpson...*, Sđd: 104 - 105.
- 19 K. M. Bailey (1990), *Nghênh đón Vua trở lại*, Tài liệu giới thiệu về lịch sử và quan điểm của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp, Sđd: 22.
- 20 K. M. Bailey (1990), *Nghênh đón Vua trở lại*, Tài liệu giới thiệu về lịch sử và quan điểm của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp, Sđd: 40 - 41.

- 21 Toàn bộ sự kiện, số liệu thống kê của phần này trích từ mục: C&MA National Archives, trong Website chính thức của Hội C.M.A <http://www.cmalliance.org>, ngày 14/5/2005.
- 22 D. R. Wetzel (1992), *Bối cảnh Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp*, Tài liệu học tập dành cho lớp đào tạo mục sư truyền đạo và lớp tổ chức của Hội Liên hiệp (dịch). Viện Thần Học Việt Nam xuất bản, New York: 121.
- 23 D. R. Wetzel (1992), *Bối cảnh Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp*, Sdd: 121.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bailey K. M (2000), *Nghênh đón Vua trở lại*, Tài liệu giới thiệu về lịch sử và quan điểm của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp, Do Trung tâm Nghiên cứu Thần học thuộc Cơ quan Đặc vụ Truyền giáo của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên Hiệp xuất bản, Colorado, USA.
2. Baubérot J. (2006), *Lịch sử đạo Tin Lành*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Dixon H. H. (1925), *Đặc sắc của Hội Thánh. Mấy tên của Hội Thánh. Lược sử Hội Thánh*, Nhà in Tin Lành Đông Pháp, Hà Nội.
4. Earle E. Cairns (2010), *Cơ Đốc giáo trải các thế kỷ - Lịch sử Hội Thánh*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Hội Thánh Tin Lành Giáo hạt Việt Nam tại Hoa Kỳ (2000), *Hội Thánh Ta 1975 - 2000 (kỷ yếu)*, Do Vietnamese Christian Literature xuất bản, California, USA.
6. Lê Phước Nguyên & Lê Hoàng Phu (1995), *Lịch sử truyền giáo*, tập 1, Thần học Phúc Âm xuất bản, CA, USA.
7. Parmelee A. (1993), *Lược sử Hội Thánh*, Viện Thần học Việt Nam xuất bản, Graden Grove, California.
8. Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam 1911 - 1965*, Trung Tâm nghiên cứu Phúc Âm, Sài Gòn.
9. Simpson A. B. (2000), *Bốn phương diện của Tin Lành*, sách dịch do Hội Thánh Tin Lành Giáo hạt Việt Nam tại Hoa Kỳ xuất bản, California.
10. Smith D. L. (2004), *Thần học hiện đại*, Viện Thần học Tin Lành Việt Nam xuất bản, California, USA.
11. Tozer A.W. (1996), *Cất cánh bay cao: Albert B. Simpson - Một nghiên cứu về cao độ thuộc linh*, Nxb. Christian Publications, Pennsylvania, USA.
12. Wetzel D. R. (1992), *Bối cảnh Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp*, Tài liệu giảng dạy của Viện Thần học Việt Nam, Lưu hành nội bộ, Garden Grove, California.
13. Bavrett D. B. (1982), *World Christian Encyclopedia*, Oxford University Prees, New York.
14. Roger Finke & Rodney Stark (2005), *Churching of America 1776 - 2005*, Rutgers University Prees, New Jersey.
15. Samuel S. H. (1995), *Handbook of Denominations in the United States - New Tenth Edition*, Abingdon Prees, Nashville
16. The C.M.A (1957), *Manual of the Christian and Missionary Alliance*, The Christian and Missionary Alliance, New York.
17. *Encyclopedie du Protestantisme* (1995), Cerf/ Labor et Fides, Geneve.
18. <http://www.cmalliance.org>, khai thác số liệu ngày 14/5/2005, bổ xung ngày 26/12/2015.

Abstract**DISCUSSION ON THE CHRISTIAN AND MISSIONARY ALLIANCE**

Protestantism was initially propagated in Vietnam by the missionaries of the Christian and Missionary Alliance (C&MA) for over 100 years. Currently, there is more than 1 million Protestants in Vietnam and 80% of them belong to two organizations as: the Protestant Church of Vietnam (South) and the Evangelical Church of Vietnam (North) which were founded by the Christian and Missionary Alliance's missionaries. In the process of evangelizing, the Christian and Missionary Alliance has left a deep imprint in the past as well as at present. Thus, the research on the process of formation, theology, features of organization, the development stages and missionary activities in the Northern America and overseas of C&MA in order to understand the characteristics of Protestantism in Vietnam. This article initially mentions the aspects mentioned above.

Keywords: C&MA, Protestantism, church, denomination, missionaries, evangelize.